

Số 3248/BC-UBND

Đông Hà, ngày 18 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025,
XÂY DỰNG DỰ TOÁN THU CHI NGÂN SÁCH NĂM 2026
(Báo cáo tại Kỳ họp thứ 3-Hội đồng nhân dân Phường Đông Hà Khóa I)

Phường Đông Hà được thành lập trên cơ sở sáp nhập 5 phường của thành phố Đông Hà trước đây là Phường 1, Phường 3, Phường 4, Phường Đông Giang, Phường Đông Thanh khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, đi vào hoạt động từ ngày 1/7/2025. Công tác tổ chức ngân sách nhà nước trên địa bàn Phường cũng có nhiều thay đổi, điều chỉnh cho phù hợp với tổ chức bộ máy, đảm bảo điều hành, hoạt động thông suốt, hiệu lực hiệu quả.

Ủy ban nhân dân phường Đông Hà báo cáo kết quả thực hiện dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2025, phương án xây dựng và phân bổ dự toán thu chi ngân sách năm 2026 với những nội dung sau:

Phần thứ nhất

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025

1. Về thực hiện dự toán thu ngân sách:

Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn phường là số cộng gộp dự toán thu ngân sách của 5 phường trước đây với số dự toán được giao là 29,464 tỷ đồng phần ngân sách địa phương hưởng là 12,984 tỷ đồng. Số dự toán được giao chủ yếu từ các loại thuế hộ kinh doanh, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, phí lệ phí, thuế thu nhập cá nhân,

Thu ngân sách trên địa bàn ước thực hiện năm 2025: 31,991 tỷ đồng, đạt 108,58% dự toán, vượt 8,58% so với dự toán được giao.

- Các khoản thu cơ bản đảm bảo đạt và vượt dự toán đề ra, bao gồm những khoản thu chủ yếu sau:

+ Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh: Ước thực hiện 7,796 tỷ đồng, đạt 104,59% dự toán

+ Thuế thu nhập cá nhân: Ước thực hiện: 13,919 tỷ đồng, đạt 109,7% dự toán.

+ Phí và lệ phí: Ước thực hiện 0,801 tỷ đồng, đạt 149,44% dự toán

+ Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: Ước thực hiện 5 tỷ đồng, đạt 127,06% dự toán.

+ Thu từ đất công ích và hoa lợi công sản: Ước thực hiện 0,076 tỷ đồng, đạt 108,57% dự toán.

- Có khoản thu không đạt dự toán là Lệ phí trước bạ đạt 89,37% dự toán do tình hình kinh doanh bất động sản những tháng cuối năm 2025 trầm lắng, sức mua không đáng kể nên ảnh hưởng đến kết quả của khoản thu này.

Theo Phụ lục 01 đính kèm

2. Về tình hình thực hiện dự toán chi ngân sách năm 2025

Dự toán chi ngân sách của Phường Đông Hà năm 2025 được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị giao trên cơ sở là số chi cộng cơ học của dự toán chi ngân sách 5 phường trước đây và các nhiệm vụ chi ngân sách thuộc ngân sách thành phố Đông Hà(cũ) điều chuyển về, số đã chi của ngân sách thành phố được chuyển về phường trung tâm để theo dõi, quyết toán theo chủ trương của Bộ Tài chính và Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị.

Tổng chi cân đối ngân sách địa phương: 358,465 tỷ đồng, trong đó:

+ Số đã chi thuộc ngân sách thành phố chuyển về phường trung tâm: 102,139 tỷ đồng

+ Số đã chi của 5 phường: 19,082 tỷ đồng

+ Số còn lại đề xuất phương án phân bổ cho ngân sách 6 tháng cuối năm : 237,242 tỷ đồng, bao gồm các khoản chi thường xuyên, dự phòng ngân sách và bổ sung có mục tiêu để thực hiện các chế độ chính sách, bao gồm:

+ **Chi thường xuyên:** Dự toán tỉnh giao: 324,732 tỷ đồng, trong đó:

+ Số đã chi thuộc ngân sách thành phố trước đây chuyển về phường trung tâm: 88,024 tỷ đồng

+ Số đã chi của 5 phường: 18,791 tỷ đồng

+ Số còn lại đề xuất phân bổ cho chi thường xuyên 6 tháng cuối năm 2025: 217,917 tỷ đồng.

Chi thường xuyên đảm bảo chi lương, con người và các chế độ chính sách và hoạt động của bộ máy theo đúng dự toán được phê duyệt, đảm bảo tiết kiệm hiệu quả

+ **Chi dự phòng**

Số dự toán được giao: 5,749 tỷ đồng; số đã chi thuộc ngân sách thành phố trước đây: 1,666 tỷ đồng chuyển về phường trung tâm; số đã chi của 5 phường: 0,291 tỷ đồng; số dự toán còn lại được sử dụng: 3,791 tỷ đồng (đã chi từ 1/7 đến nay 1,940 tỷ đồng).

Chi dự phòng đảm bảo theo đúng nguyên tắc phân bổ, thực hiện các nhiệm vụ đột xuất chưa được sắp xếp bố trí trong dự toán.

+ **Chi bổ sung có mục tiêu chương trình mục tiêu quốc gia:** 1,112 tỷ đồng.

+ **Chi từ nguồn ngân sách tỉnh hỗ trợ có mục tiêu:**

Số dự toán 26,871 tỷ đồng; số đã chi thuộc ngân sách thành phố trước đây chuyển về phường trung tâm 12,449 tỷ đồng; số còn lại 14,422 tỷ đồng để thực hiện các nhiệm vụ theo chỉ định của tỉnh theo *Phụ lục 02-TH đính kèm*.

Phần thứ hai

XÂY DỰNG DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

I. Các căn cứ pháp lý

Căn cứ Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2026; Thông tư số 56/2025/TT-BTC ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Bộ

Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2026, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2026-2028, Chỉ thị số 04/CT-UBND ngày 12 tháng 6 năm 2025 của UBND tỉnh về xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2026;

Căn cứ các quy định của Hội đồng nhân dân tỉnh về phân cấp nguồn thu nhiệm vụ và định mức phân bổ chi ngân sách năm 2026, Ủy ban nhân dân phường Đông Hà xây dựng dự toán thu chi ngân sách năm 2026 với những nội dung sau:

II. Dự toán thu ngân sách năm 2026

Thu ngân sách căn cứ trên số giao dự toán của Hội đồng nhân dân tỉnh và tỷ lệ % phân chia giữa các cấp ngân sách

Tổng thu ngân sách phường năm 2026: 812,796 tỷ đồng, trong đó phần ngân sách địa phương hưởng 447,125 tỷ đồng.

1. Tổng thu NSNN trên địa bàn là 597,056 tỷ đồng¹, **trong đó ngân sách phường hưởng 231,385 tỷ đồng**. Thu ngân sách trên địa bàn loại trừ thu tiền sử dụng đất 120,056 tỷ đồng tăng 357,28% so với số ước thực hiện năm 2025², thu NSNN trên địa bàn tăng mạnh do thực hiện cơ chế phân cấp nguồn thu mới, phường được giao quản lý các doanh nghiệp thuộc Thuế cơ sở 2 và phân cấp thu thêm các loại thuế phí mới như: Lệ phí trước bạ ô tô xe máy, thuế thu nhập cá nhân từ các doanh nghiệp và các loại thuế phí khác, bao gồm các khoản thu chủ yếu

1.1. Các khoản thu ngân sách địa phương hưởng 100%: 47,591 tỷ đồng.

- Thu phí, lệ phí 3,582 tỷ đồng.
- Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác 120 triệu đồng.
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: 5,429 tỷ đồng³. Trước đây khoản thuế này là khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%).
- Lệ phí trước bạ 31,814 tỷ đồng⁴. Trước đây khoản thuế này là khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%).
- Thu khác 6,646 tỷ đồng.

1.2. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%): 549,465 tỷ đồng, trong đó ngân sách địa phương hưởng 183,794 tỷ đồng.

- Thuế CTN&DV ngoài quốc doanh: 53,057 tỷ đồng⁵.
- Thuế thu nhập cá nhân 16,391 tỷ đồng.
- Thu cấp quyền khai thác khoáng sản: 0,538 tỷ đồng.
- Thu tiền thuê đất: 2,479 tỷ đồng
- Thu tiền sử dụng đất: 477 tỷ đồng, trong đó ngân sách phường hưởng 111,7 tỷ đồng, gồm:

¹ Tình giao: 590,056 tỷ đồng, Hội đồng nhân dân phường giao phần đầu 597,056 tỷ đồng, tăng 7 tỷ đồng để đảm bảo cân đối chi thường xuyên

² Ước thu ngân sách trên địa bàn năm 2025 là 31,991 tỷ đồng

³ Tình giao: 4,429 tỷ đồng, Hội đồng nhân dân phường giao phần đầu 5,429 tỷ đồng, tăng 1 tỷ đồng.

⁴ Tình giao: 29,814 tỷ đồng, Hội đồng nhân dân phường giao phần đầu 31,814 tỷ đồng, tăng 2 tỷ đồng.

⁵ Tình giao: 49,057 tỷ đồng, Hội đồng nhân dân phường giao phần đầu: 53,057 tỷ đồng, tăng 4 tỷ đồng

+ Thu tiền sử dụng đất từ các dự án tạo quỹ đất do các cơ quan cấp tỉnh thực hiện 317 tỷ đồng, trong đó ngân sách phường hưởng 31,7 tỷ đồng.

+ Thu tiền sử dụng đất từ đất do UBND cấp phường quyết định đầu tư, thu từ các dự án do cấp thành phố Đông Hà (cũ) thực hiện (cấp tỉnh quyết định đầu tư), thu chuyển mục đích sử dụng đất và thu từ sử dụng đất còn lại: 160 tỷ đồng, trong đó ngân sách phường hưởng 80 tỷ đồng.

2. Thu bổ sung cân đối ngân sách: 90,560 tỷ đồng.

3. Thu bổ sung có mục tiêu: 123,300 tỷ đồng, gồm:

- Bổ sung có mục tiêu thực hiện CCTL: 54,218 tỷ đồng.
- BSCMT thực hiện các chế độ, nhiệm vụ, chính sách theo quy định: 69,082 tỷ đồng.

4. Thu chuyển nguồn nguồn tăng thu năm 2025 để CCTL: 1,880 tỷ đồng

III. Dự toán chi ngân sách năm 2026

Tổng chi ngân sách địa phương năm 2026: 447,125 tỷ đồng

1. Chi đầu tư phát triển: 114,773 tỷ đồng

- Chi đầu tư từ tiền sử dụng đất: 111,700 tỷ đồng
- Chi đầu tư nguồn cân đối ngân sách theo tiêu chí: 3,073 tỷ đồng

(Phần này có báo cáo đầu tư công riêng)

2. Chi thường xuyên: 250,949 tỷ đồng⁶

Dự toán chi thường xuyên giao cho các cơ quan đơn vị đã trừ tiết kiệm 10% để tạo nguồn cải cách tiền lương theo chế độ quy định, gồm những khoản chi chủ yếu sau:

2.1. Chi sự nghiệp Kinh tế và Môi trường: 39,636 tỷ đồng.

- Chi dịch vụ công ích : 26,263 tỷ đồng gồm: Duy trì vệ sinh môi trường trên các tuyến, thu gom vận chuyển rác thải sinh hoạt và phế thải xây dựng, xử lý rác thải sinh hoạt và phế thải xây dựng (tại bãi chôn lấp rác), vệ sinh môi trường trong dịp tết nguyên đán, thu gom rác vô chủ, duy trì hệ thống cây xanh: 17,842 tỷ đồng; Chi dịch vụ kiến thiết thị chính: Tiền điện chiếu sáng đô thị, sửa chữa thường xuyên điện chiếu sáng, vận hành hệ thống điện chiếu sáng đô thị và đèn tín hiệu giao thông, bảo vệ nghĩa trang nhân dân, chi phí công viên, phục vụ tết: 8,421 tỷ đồng.

- Chi sự nghiệp môi trường: Tổ chức kiểm tra công tác quản lý môi trường, phong trào tự quản về môi trường, các hoạt động tuyên truyền bảo vệ môi trường, giám sát môi trường, xây dựng báo cáo bảo vệ môi trường, kế hoạch ứng phó với các sự cố môi trường: 420 triệu đồng

- Chi sự nghiệp kinh tế: 12,952 tỷ đồng. Gồm dự toán trên các lĩnh vực: Công nghiệp-Thương mại- Du lịch, Nông nghiệp, lâm nghiệp thủy sản, sửa chữa các tuyến đường giao thông, hoạt động cụm công nghiệp, công tác giảm nghèo, phòng chống dịch bệnh, phòng chống thiên tai....; đã bố trí chi lương và định mức chi thường

⁶ Dự toán chi thường xuyên tính giao: 248,849 tỷ đồng, Hội đồng nhân dân giao 250,949 tỷ đồng, tăng 2,1 tỷ đồng (đây là số 30% giao tăng thu để đảm bảo cân đối chi thường xuyên)

xuân cho Trung tâm dịch vụ tổng hợp phường, chi phí giám sát dịch vụ công ích và những nội dung chi sự nghiệp kinh tế khác.

(Theo Biểu 04-DT)

2.2. Chi quản lý hành chính gồm chi lương và các khoản phụ, định mức chi thường xuyên và chi hoạt động: 34,144 tỷ đồng.

- Biên chế để tính toán quỹ lương: Chi lương và các khoản phụ cấp gồm lương của cán bộ, công chức phường được xây dựng trên cơ sở biên chế có mặt thực tế, hệ số lương, chưa tính tăng lương thường xuyên với mức lương cơ sở 2,34 triệu đồng; riêng tiền thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP sẽ được phân bổ sau.

- Định mức chi thường xuyên 18 tr đồng/biên chế đã trừ tiết kiệm 10% để cải cách tiền lương theo quy định. Trích 2tr đ/biên chế để chi trả tiền điện nước khoán sử dụng trụ sở chung để cấp về Văn phòng HĐND và UBND phường để chi trả.

- Bố trí kinh phí để chi trả phụ cấp cấp ủy Đảng (BCH đảng bộ phường); phụ cấp đại biểu Hội đồng nhân dân (theo đại biểu) và phụ cấp cán bộ bán chuyên trách phường và khu phố; kinh phí khoán cho các chức danh Bí thư chi bộ, Khu phố trưởng và các đoàn thể khu phố theo quy định.

-Kinh phí chi cho công việc đặc thù của cơ quan Đảng, Chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể trên cơ sở số dự toán được tỉnh giao và dự toán tăng thêm của phường.

(Biểu 05-DT)

2.3. Chi sự nghiệp Văn hoá – Thông tin: 0,832 tỷ đồng.

- Các hoạt động tuyên truyền kỷ niệm các ngày lễ lớn, các sự kiện kinh tế, chính trị, xã hội, các hoạt động văn nghệ, các hội thi...

2.4. Chi sự nghiệp Thể dục thể thao: 0,558 tỷ đồng

Kinh phí tổ chức các giải đấu hoạt động thể dục thể thao phường và Tham gia các giải thi đấu thể dục thể thao tỉnh tổ chức; kinh phí tổ chức Đại hội thể dục thể thao phường và tham gia Đại hội thể dục thể thao tỉnh; các hoạt động thể dục thể thao khác.

2.5. Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình: 0,711 tỷ đồng

- Gồm kinh phí nhuận bút, thời sự hàng ngày, mua sắm vật tư phục vụ công tác phát thanh truyền hình, hỗ trợ công tác phát thanh khác....

2.6. Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo: 148,786 tỷ đồng.

Gồm tiền lương, phụ cấp, tiền thưởng và các khoản đóng góp theo lương theo biên chế được giao tại thời điểm xây dựng dự toán, gồm cả biên chế giáo viên theo hợp đồng 111/2021/NĐ-CP.

Ngoài quỹ lương và các khoản có tính chất lương, tiền thưởng mỗi biên chế và hợp đồng 111/2021/NĐ-CP được bố trí 17 triệu đồng/năm (định mức chưa trừ tiết kiệm)

Các trường có điểm trường lẻ, bổ sung kinh phí hoạt động 50 triệu đồng/ điểm trường lẻ/năm (chưa trừ tiết kiệm 10%).

Đối với định mức trên số học sinh được dành để chi trả các chế độ tăng thêm chưa được bố trí trong dự toán như: kinh phí thực hiện chế độ đối với giáo viên thể dục thể thao theo quy định; kinh phí chi trả chế độ phụ cấp ưu đãi giảng dạy người khuyết tật theo phương thức giáo dục hoà nhập theo Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10/4/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khuyết tật, kinh phí khen thưởng theo Luật thi đua khen thưởng, chi phục vụ các kỳ thi, cuộc thi, hội thi, hội thao, khen thưởng, học sinh có thành tích trong các kỳ thi, các chương trình đề án của ngành,...

Chỉ cho Phòng Văn hoá – Xã hội để đảm bảo hoạt động chung của ngành (bao gồm: Hội thi văn hóa học đường cấp phường và tham gia với tỉnh, hoạt động kỷ niệm ngày Nhà giáo Việt Nam 20-11, thăm Hội đồng thi THPT, thăm các trường nhân ngày khai giảng năm học mới...).

2.7. Chi quốc phòng và an ninh: 1,448 tỷ đồng. để bố trí chi trực sẵn sàng chiến đấu, , trực đảm bảo an ninh trật tự trên địa bàn, các hoạt động an ninh, quốc phòng khác.

*2.8. Chi sự nghiệp y tế: 10,727 tỷ đồng ;*gồm: Kinh phí mua thẻ BHYT cho các đối tượng; thực hiện các nhiệm vụ về y tế, phòng, chống dịch, vệ sinh an toàn thực phẩm; Ban chỉ đạo công tác gia đình, Kinh phí ngày gia đình, Ngày hội gia đình tỉnh Quảng Trị...; Hỗ trợ kinh phí hoạt động y tế, dân số và gia đình khác.

2.9. Chi đảm bảo xã hội: 11,027 tỷ đồng

Gồm kinh phí Tết, lễ cho đối tượng chính sách, cứu trợ xã hội; Trợ cấp cán bộ xã nghỉ việc (hưu xã); tiền định hộ nghèo; Kinh phí mừng thọ Người Cao tuổi; Kinh phí giám định y khoa cho các đối tượng; Kinh phí chăm sóc nghĩa trang; Kinh phí thu gom đối tượng lang; Chương trình xoá đói giảm nghèo, giải quyết việc làm; Chương trình trẻ em.

2.10. Chi sự nghiệp khoa học - công nghệ, chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo: 0,748 tỷ đồng

2.11. Chi khác: 0,688 tỷ đồng: Kinh phí bầu cử Quốc hội và HĐND các cấp, nhiệm kỳ 2026-2030; kinh phí kỷ niệm các ngày lễ lớn, kinh phí tổ chức các sự kiện lớn trong năm và các nhiệm vụ khác

3. Dự phòng ngân sách (2% trên tổng chi ngân sách): 7,421 tỷ đồng.

4. Chi từ nguồn tỉnh hỗ trợ thực hiện các chế độ, nhiệm vụ, chính sách theo quy định: 69,082 tỷ đồng chủ yếu là kinh phí thực hiện các chế độ chính sách do trung ương ban hành:

- | | |
|---|---------------|
| - Hỗ trợ chi phí học tập và miễn giảm học phí ND 238: | 2,232 tỷ đồng |
| - Chính sách phát triển giáo dục mầm non: | 0,43 tỷ đồng |
| - Học bổng, chi phí học tập cho HS khuyết tật: | 0,39 tỷ đồng |
| - Phân bổ theo kinh phí mua thẻ BHYT: | 5,888 tỷ đồng |

- Kinh phí thường xuyên cho đối tượng bảo trợ xã hội theo NĐ 20:	3,820 tỷ đồng
- Trợ cấp hưu theo NĐ176:	11,880 tỷ đồng
- Bảo hiểm xã hội tự nguyện:	1,374 tỷ đồng
- Chính sách ưu đãi người có công:	34,650 tỷ đồng
- Kinh phí hỗ trợ y tế thôn bản:	0,309 tỷ đồng
- Kinh phí hỗ trợ người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, bản, tổ dân phố:	1,685 tỷ đồng
- Chi thăm hỏi người có công, thân nhân người có công theo Nghị quyết số 30/2022/NQ-HĐND:	0,767 tỷ đồng
- Kinh phí thực hiện Luật DQTV (phụ cấp + trợ cấp + ngày công huấn luyện):	2,124 tỷ đồng
- Tính hỗ trợ lực lượng dân an ninh trật tự cơ sở:	2,292 tỷ đồng
- Kinh phí thực hiện hợp đồng nấu ăn theo Nghị quyết 35:	0,210 tỷ đồng
- Kinh phí khen thưởng huy hiệu đảng:	1,274 tỷ đồng
- Chi thăm hỏi người người nghèo, cận nghèo theo Nghị quyết số 30/2022/NQ-HĐND:	0,347 tỷ đồng
- Kinh phí chúc thọ, mừng thọ:	0,148 tỷ đồng

5. Chi từ nguồn giao tăng thu để cải cách tiền lương: 4,9 tỷ đồng

III. MỘT SỐ NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU NHẪM THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2026

1. Về thu ngân sách

1.1. Một số nhiệm vụ, giải pháp chung:

- Trên cơ sở kết quả thực hiện dự toán thu ngân sách của phường Đông Hà trong thời gian chuyển tiếp thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, trên cơ sở tập trung phân tích đánh giá những yếu tố chủ quan, khách quan ảnh hưởng đến nguồn thu để kịp thời chỉ đạo điều hành công tác thu ngân sách từ những tháng đầu của năm 2026, phân đấu hoàn thành dự toán thu để đảm bảo cân đối ngân sách và ưu tiên nguồn lực cho đầu tư phát triển.

- Tham mưu cho Ban Thường vụ Đảng ủy ban hành chỉ thị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thu ngân sách nhà nước trên địa bàn phường Đông Hà ngay từ những ngày đầu của năm để huy động sức mạnh cả hệ thống chính trị trong công tác thu ngân sách, đề cao vai trò, trách nhiệm của tập thể và cá nhân người đứng đầu trong nhiệm vụ thu ngân sách, xác định đây là nhiệm vụ trọng tâm, quan trọng, phải thực hiện đồng bộ, huy động cả hệ thống chính trị từ phường đến cơ sở.

- Căn cứ vào Nghị quyết của Ban chấp hành Đảng bộ phường về tình hình kinh tế-xã hội phường năm 2026 và những định hướng, những những phần việc trọng tâm trong thời gian tới, các phòng, ban, đơn vị, cơ quan đơn vị phải chung tay, có giải

pháp hữu hiệu để thúc đẩy sản xuất, kinh doanh, tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp, cải thiện môi trường đầu tư và kinh doanh để thu hút đầu tư, nuôi dưỡng nguồn thu bền vững cho NSNN.

1.2. Nhiệm vụ và giải pháp cụ thể:

a. Thuế cơ sở 2 tỉnh Quảng Trị

Phát huy cao độ vai trò cơ quan thường trực Ban chỉ đạo thu ngân sách phường; tích cực tham mưu và triển khai thực hiện đồng bộ, quyết liệt các giải pháp thu NSNN ngay từ những ngày đầu của năm 2026, theo đó:

- Căn cứ kết quả thu ngân sách năm 2025, trên cơ sở rà soát, phân tích, đánh giá khả năng của từng khoản thu, lĩnh vực, địa bàn, để giao nhiệm vụ thu cho các Tổ thuế, từng CBCC thuế, nhằm hoàn thành cao nhất dự toán thu năm 2026 (*giao chỉ tiêu phải có tỷ lệ cao hơn để có sự phấn đấu*); tham mưu giao dự toán nộp ngân sách cho các doanh nghiệp trên địa bàn.

- Tăng cường các biện pháp tuyên truyền để phổ biến các chính thuế mới đến người nộp thuế, người dân trên địa bàn. Tích cực biểu dương, khen thưởng đối với các tổ chức, cá nhân có nhiều thành tích trong công tác thu nộp thuế; có các giải pháp để động viên, nuôi dưỡng nguồn thu.

- Thành lập Đoàn Kiểm tra liên ngành để thu nợ thuế đồng thời đề xuất bổ sung nhiệm vụ kiểm tra, khảo sát doanh thu hộ có rủi ro cao về thuế để thực hiện kiểm tra chống thất thu theo kế hoạch đề ra. Kịp thời nắm bắt và tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc, hỗ trợ doanh nghiệp phục hồi và duy trì sản xuất.

- Sớm ban hành sổ bộ thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, phối hợp với Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị để triển khai ngay từ những tháng đầu của năm 2026.

- Xây dựng kế hoạch, phối hợp với Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường tăng cường kiểm tra giám sát hộ nghỉ, bỏ kinh doanh xử lý nghiêm các trường hợp lợi dụng thông báo nghỉ để trốn thuế.

- Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện cải cách thủ tục hành chính thuế, tạo điều kiện thuận lợi để người nộp thuế thực hiện nghĩa vụ thuế đơn giản, nhanh, gọn. Tiếp tục đẩy mạnh triển khai dịch vụ nộp thuế điện tử. Rà soát những tồn tại, vướng mắc trong giải quyết thủ tục hành chính thuế, nhất là những thủ tục về ưu đãi thuế có liên quan đến đất đai... để phối hợp giải quyết kịp thời, nhằm tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy hoạt động SXKD, góp phần tăng thu ngân sách.

- Tham mưu cho Ban Chỉ đạo thu ngân sách phường trong quá trình chỉ đạo điều hành thu ngân sách để có những giải pháp chỉ đạo kịp thời, linh hoạt trong công tác thu ngân sách; thực hiện tham mưu giao ban định kỳ Ban chỉ đạo thu ngân sách phường.

b. Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường

Chủ động theo dõi, tham mưu UBND phường chỉ đạo thực hiện dự toán thu ngân sách đảm bảo tiến độ; theo dõi, phối hợp chặt chẽ với Thuế cơ sở 2 tỉnh Quảng Trị trong quá trình thực hiện dự toán thu ngân sách; báo cáo UBND phường xử lý kịp thời các khó khăn vướng mắc.

c. Các phòng, ban ngành.

- Các phòng, ban ngành xác định thu ngân sách là nhiệm vụ quan trọng, xuyên suốt, ưu tiên tháo gỡ các khó khăn vướng mắc trong giải quyết thủ tục hành chính về

đất đai để tăng thu từ tiền sử dụng đất và các khoản thuế phí khác. Đẩy mạnh công tác kiểm tra thu phí, lệ phí, bảo đảm việc thu đúng quy định.

- Tăng cường công tác tuyên truyền các chính sách thuế trên địa bàn; phát huy vai trò của cấp uỷ và hệ thống chính trị đối với công tác thu ngân sách; phát huy tính chủ động của Hội đồng tư vấn thuế phường đối với công tác thu ngân sách

d. Công an phường

Tăng cường phối hợp với Chi cục thuế để triển khai quy chế phối hợp xử lý thu thuế đối với chủ phương tiện kinh doanh vận tải tư nhân trên địa bàn; tham gia các Đoàn Kiểm tra liên ngành để thu nợ thuế.

e. Đề nghị Kho bạc Nhà nước Khu vực VII – Phòng Giao dịch số 9

Chủ động phối hợp chặt chẽ với cơ quan trên địa bàn để hạch toán đầy đủ, kịp thời, chính xác các khoản thu cho các cấp ngân sách.

f. Đề nghị UBMTVN và các đoàn thể phường phối hợp, tăng cường công tác tuyên truyền, vận động hội viên, đoàn viên mình hăng hái thi đua, lao động sản xuất, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội; đồng thời, chấp hành đầy đủ nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước.

g. Khu trưởng các khu phố.

Trên cơ sở bộ thuế sử dụng đất phi nông nghiệp tiến hành công tác thu, tích cực vận động các hộ dân trên địa bàn quản lý để thu đúng thu đủ kịp thời vào ngân sách nhà nước, nhất là các khoản nợ đọng thuế từ những năm về trước.

2. Về chi ngân sách

Quán triệt đầy đủ và thực hiện nghiêm túc các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng, Quốc hội, Chính phủ trong quản lý, điều hành NSNN năm 2026 với những giải pháp sau:

- Tăng cường công tác quản lý vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước theo đúng quy định của Luật NSNN, Luật đầu tư công và các Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ; đảm bảo tập trung, chống dàn trải, ưu tiên bố trí thanh toán nợ XDCB, bố trí cho các dự án đã hoàn thành và có khả năng hoàn thành sớm, các dự án xây dựng CSHT tạo nguồn thu quỹ đất; không bố trí vốn cho các dự án mới không đủ điều kiện theo quy định của pháp luật hoặc chưa thực sự cấp bách.

- Chủ động trong quản lý điều hành ngân sách nhà nước đảm bảo các khoản chi ngân sách nhà nước tiết kiệm, hiệu quả:

+ Thực hành triệt để chính sách tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý và sử dụng NSNN. Trong lĩnh vực đầu tư công, thực hiện tốt công tác chuẩn bị đầu tư để chủ động triển khai thực hiện, sử dụng vốn đúng mục đích, có hiệu quả. Trong lĩnh vực chi thường xuyên, cần quán triệt yêu cầu tiết kiệm, chống lãng phí trong mua sắm, sửa chữa, sử dụng tài sản công và sử dụng NSNN. Phòng Tài chính - Kế hoạch, KBNN tỉnh Quảng Trị và đơn vị sử dụng NSNN cần tăng cường kiểm soát các khoản chi đảm bảo theo quy định, chế độ tài chính, kế toán.

+ Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính nâng cao năng lực quản lý nhà nước; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra. Thực hiện chế độ trách nhiệm đối với người đứng đầu đơn vị nếu để xảy ra vi phạm, thất thoát, lãng phí ngân sách, tài sản công. Mở rộng cơ chế xã hội hoá đối với các hoạt động sự nghiệp có thu.

+ Thực hiện chế độ công khai NSNN các cấp, các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được NSNN hỗ trợ, các dự án XDCB có sử dụng ngân sách, các quỹ đóng góp của nhân dân... để tăng cường vai trò kiểm tra, thanh tra của các cơ quan dân cử, tổ chức chính trị xã hội và nhân dân đối với những khoản thu - chi NSNN và việc huy động nguồn đóng góp của nhân dân, góp phần thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở.

- Tăng cường công tác kiểm soát chi từ khâu dự toán đến kiểm soát quá trình cấp phát, giai đoạn sau khi chi (như thông qua kiểm tra chứng từ, sổ sách kế toán, báo cáo quyết toán).

- Thực hiện có hiệu quả Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập và Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22/5/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ.

- Tăng cường tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý ngân sách, các chủ tài khoản và kế toán các đơn vị sử dụng ngân sách theo hướng chuyên môn hóa kỹ năng quản lý thực hiện nghiêm túc các quy trình nghiệp vụ, khai thác và sử dụng thành thạo các ứng dụng tin học phục vụ nhiệm vụ chuyên môn.

- Ngoài những dự án, nhiệm vụ quan trọng, kiên quyết chấm dứt việc chuyển nhiệm vụ được bố trí dự toán mà trong năm không thực hiện hết sang năm sau thực hiện.

- Tăng cường quản lý các quỹ tài chính Nhà nước ngoài ngân sách.

- Kho bạc Nhà nước tạo điều kiện đẩy nhanh tiến độ giải ngân, thanh toán vốn theo quy định; tăng cường kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ việc chi tiêu, đảm bảo đúng chính sách, chế độ.

Để hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ dự toán NSNN năm 2026, yêu cầu các phòng, ban, ngành, đoàn thể, đơn vị, doanh nghiệp nỗ lực phấn đấu với quyết tâm cao nhất, góp phần quan trọng cho việc thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch năm 2026 và kế hoạch 5 năm giai đoạn 2026- 2030 mà Ban chấp hành Đảng bộ phường đã đề ra. /

Nơi nhận:

- BTV Đảng ủy, TT. HĐND phường;
- CT, các PCT UBND phường;
- CVP, PVP HĐND và UBND phường
- UBMTTQVN phường;
- Đại biểu HĐND phường;
- Các phòng, ban, ngành phường;
- Lưu: VT. *h*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phạm Văn Dũng

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU NSNN NĂM 2025

(Kèm theo Báo cáo số ~~24~~48/BC-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2025 của UBND Phường Đồng Hà)

ĐVT: 1000 đồng

TT	NỘI DUNG	Dự toán Tỉnh giao 2025	DT Phường	Ước TH 2025	Tỷ lệ % TH/DT	
					Tỉnh	Phường
	Tổng thu ngân sách địa phương	374.944.509	374.944.509	377.471.509	100,67	100,67
	- Trong đó: Ngân sách địa phương hưởng	358.465.309	358.465.309	361.633.509		
A	Tổng thu ngân sách trên địa bàn	29.464.000	29.464.000	31.991.000	108,58	108,58
	- Trong đó: Ngân sách địa phương hưởng	12.984.800	12.984.800	16.153.000	124,40	124,40
1	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	7.454.000	7.454.000	7.796.000	104,59	104,59
2	Thuế thu nhập cá nhân	12.543.000	12.543.000	13.919.000		
3	Lệ phí trước bạ	4.648.000	4.648.000	4.154.000	89,37	89,37
4	Phí và lệ phí	536.000	536.000	801.000	149,44	149,44
5	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	3.935.000	3.935.000	5.000.000	127,06	127,06
6	Thu từ đất công ích và hoa lợi công sản	70.000	70.000	76.000	108,57	108,57
7	Thu khác ngân sách	278.000	278.000	245.000	88,13	88,13
B	Thu bổ sung ngân sách tỉnh	345.480.509	345.480.509	345.480.509	100,00	100,00
1	Bổ sung cân đối	312.087.677	312.087.677	312.087.677		
2	Bổ sung có mục tiêu	33.392.832	33.392.832	33.392.832	100,00	100,00
-	Bổ sung có mục tiêu thực hiện các nhiệm vụ	33.392.832	33.392.832	33.392.832	100,00	

CA

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025

(Kèm theo Báo cáo số ~~32~~48 /BC-UBND ngày 18 tháng 1 năm 2025 của UBND Phường Đồng Hà)

ĐVT: Đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2025 tính giao	Dự toán năm 2025 phường giao	Ước thực hiện năm 2025	Tỷ lệ %	
					TH/DT tỉnh giao	TH/DT phường
A	B	1	1	2	6	7
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ	358.465.309	358.465.309	356.615.140	99,48	99,48
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	358.465.309	358.465.309	356.615.140	99,48	99,48
1	Chi đầu tư phát triển	0	0	0		
a	Chi đầu tư XD CB tập trung					
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất					
c	Chi đầu tư từ nguồn chuyển nhiệm vụ					
2	Chi thường xuyên	324.732.806	324.732.806	324.732.806	100,00	100,00
a	Chi cho nhiệm vụ đo đạc, đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai và đăng ký biến động, chỉnh lý hồ sơ địa chính thường xuyên					
b	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	147.272.465	147.272.465	147.272.465		
-	Sự nghiệp giáo dục					
-	Sự nghiệp đào tạo và dạy nghề					
c	Chi quốc phòng	4.771.800	4.771.800	4.771.800		
d	Chi an ninh	963.932	963.932	963.932		
e	Chi sự nghiệp y tế, dân số	1.323.100	1.323.100	1.323.100		
f	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin, phát thanh, truyền hình	4.374.100	4.374.100	4.374.100		
g	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	316.500	316.500	316.500		
h	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	36.124.592	36.124.592	36.124.592		

91

STT	Nội dung	Dự toán năm 2025 tính giao	Dự toán năm 2025 phòng giao	Ước thực hiện năm 2025	Tỷ lệ %	
					TH/DT tính giao	TH/DT phòng
<i>i</i>	<i>Chi hoạt động kinh tế</i>	36.666.732	36.666.732	36.666.732		
<i>k</i>	<i>Chi hoạt động quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể</i>	68.010.434	68.010.434	68.010.434		
<i>l</i>	<i>Chi bảo đảm xã hội</i>	17.843.026	17.843.026	17.843.026		
<i>m</i>	<i>Chi khác</i>	2.541.625	2.541.625	2.541.625		
<i>n</i>	<i>Tiết kiệm 10% để tạo nguồn cải cách tiền lương</i>	4.524.500	4.524.500	4.524.500		
3	Dự phòng ngân sách (2% chi thường xuyên)	5.749.000	5.749.000	3.898.831	67,82	67,82
4	Chi bổ sung từ chương trình mục tiêu quốc gia	1.112.000	1.112.000	1.112.000		
5	Chi từ nguồn tỉnh hỗ trợ các chính sách	26.871.503	26.871.503	26.871.503	100,00	100,00

Q

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG PHƯỜNG ĐÔNG HÀ NĂM 2026

(Kèm theo Báo cáo số ~~3248~~3248/BC-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2025
của UBND Phường Đông Hà)

ĐVT: 1.000 đồng

STT	Nội dung	Dự toán tỉnh giao năm 2026	Dự toán HĐND phường giao năm 2026
I	TỔNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	805.796.000	812.796.000
II	TỔNG THU CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH	440.125.000	447.125.000
1	Thu ngân sách địa phương hưởng theo phân cấp	224.385.000	231.385.000
2	Thu bổ sung từ ngân sách tỉnh	213.860.000	213.860.000
2.1	Bổ sung cân đối	90.560.000	90.560.000
2.2	Bổ sung nguồn cải cách tiền lương	54.218.000	54.218.000
2.3	Bổ sung có mục tiêu thực hiện nhiệm vụ	69.082.000	69.082.000
3	Thu chuyển nguồn tăng thu năm 2025	1.880.000	1.880.000
III	TỔNG CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH	440.125.000	447.125.000
1	Chi đầu tư phát triển	114.773.000	114.773.000
2	Chi thường xuyên	248.849.000	250.949.000
3	Chi dự phòng	7.421.000	7.421.000
4	Chi từ nguồn tăng thu năm 2026 để CCTL(70%)		4.900.000
5	Chi chương trình mục tiêu thực hiện nhiệm vụ	69.082.000	69.082.000

9

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH PHƯỜNG ĐÔNG HÀ NĂM 2026

(Kèm theo Báo cáo số 3248/BC-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2025
của UBND phường Đông Hà)

Đơn vị: 1000 đ

S T T	NỘI DUNG	Dự toán tỉnh giao năm 2026	Dự toán HĐND phường giao năm 2026	% DT phường/ Tỉnh giao
A	B	1	2	3=2/1
	Tổng thu ngân sách địa phương (I+II)	805.796.000	812.796.000	101,19
	<i>Trong đó: NS địa phương hưởng</i>	<i>440.125.000</i>	<i>447.125.000</i>	<i>0,00</i>
I	Thu NS trên địa bàn (1+2+...+10)	590.056.000	597.056.000	101,19
	<i>Trong đó: NS địa phương hưởng</i>	<i>224.385.000</i>	<i>231.385.000</i>	
1	Thuế Công thương nghiệp & DV NQD	49.057.000	53.057.000	108,15
2	Lệ phí trước bạ	29.814.000	31.814.000	106,71
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	4.429.000	5.429.000	122,58
4	Thu tiền thuê đất	2.479.000	2.479.000	100,00
5	Thuế thu nhập cá nhân	16.391.000	16.391.000	100,00
6	Thu phí và lệ phí	3.582.000	3.582.000	100,00
7	Thu tiền sử dụng đất	477.000.000	477.000.000	100,00
-	<i>Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh thực hiện</i>	<i>317.000.000</i>	<i>317.000.000</i>	<i>100,00</i>
-	<i>Phường thực hiện</i>	<i>160.000.000</i>	<i>160.000.000</i>	<i>100,00</i>
8	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	538.000	538.000	100,00
9	Thu từ quỹ đất công ích và hoa lợi công sản	120.000	120.000	100,00
10	Thu khác ngân sách	6.646.000	6.646.000	100,00
II	Thu bổ sung ngân sách tỉnh	213.860.000	213.860.000	
1	Bổ sung cân đối ngân sách, trong đó	90.560.000	90.560.000	
2	Bổ sung thực hiện CCTL	54.218.000	54.218.000	
3	Bổ sung thực hiện các chương trình mục tiêu	69.082.000	69.082.000	
III	Thu chuyên nguồn tăng thu năm 2025 để đảm bảo mức lương 2,34tr	1.880.000	1.880.000	

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG ĐÔNG HÀ NĂM 2026

(Kèm theo Báo cáo số 2248/BC-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2025
của UBND phường Đông Hà)

ĐVT: 1.000đ

ST T	NỘI DUNG	Dự toán tỉnh giao năm 2026	Dự toán HĐND Phường giao năm 2026
	Tổng chi cân đối ngân sách địa phương	440.125.000	447.125.000
I	Chi đầu tư phát triển	114.773.000	114.773.000
1	Chi đầu tư từ tiền sử dụng đất, trong đó:	111.700.000	111.700.000
2	Chi XDCB tập trung	3.073.000	3.073.000
II	Chi thường xuyên	248.849.000	250.949.000
1	Chi sự nghiệp kinh tế và môi trường	39.636.000	39.636.000
2	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	832.000	832.000
3	Chi sự nghiệp thể thao	558.000	558.000
4	Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình	711.000	711.000
5	Chi đảm bảo xã hội	11.027.000	11.027.000
6	Chi giáo dục - Đào tạo	148.786.000	148.786.000
6.1	Chi sự nghiệp giáo dục	147.981.000	147.981.000
6.2	Chi đào tạo	805.000	805.000
7	Chi Sự nghiệp Y tế	10.727.000	10.727.000
8	Chi khoa học công nghệ, chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo	748.000	748.000
9	Chi quản lý hành chính	32.254.000	34.144.000
10	Chi quốc phòng	724.000	724.000
11	Chi an ninh	724.000	724.000
12	Chi khác ngân sách	718.000	928.000
13	Quỹ tiền thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP	1.404.000	1.404.000
III	Dự phòng ngân sách	7.421.000	7.421.000
IV	Chi từ nguồn tăng thu để CCTL		4.900.000
IV	Chi chương trình mục tiêu	69.082.000	69.082.000
1	Bổ sung vốn sự nghiệp, các chế độ chính sách	69.082.000	69.082.000

BẢNG PHÂN BỐ DỰ TOÁN
 CHI SỰ NGHIỆP KINH TẾ VÀ MÔI TRƯỜNG NĂM 2026

(Kèm theo Báo cáo số 3248/BC-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2025
 của Ủy ban nhân dân phường Đông Hà)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	Đơn vị	Dự toán năm 2026
	Chi sự nghiệp kinh tế và môi trường	39.636.000
I	Chi sự nghiệp công ích: Trung tâm Dịch vụ công ích	26.263.276
1	Môi trường công ích	17.842.190
1.1	Duy trì vệ sinh môi trường trên các tuyến	6.697.914
1.2	Thu gom vận chuyển rác thải sinh hoạt và phế thải xây dựng	4.221.121
1.3	Xử lý rác thải sinh hoạt và phế thải xây dựng	1.222.155
1.4	Vệ sinh môi trường trong dịp tết Nguyên Đán	200.000
1.5	Thu gom xử lý rác thải vô chủ	250.000
1.6	Duy trì hệ thống công viên, cây xanh, thoát nước đô thị	5.251.000
2	Kiến thiết thị chính: Trung tâm Dịch vụ công ích	8.421.086
2.1	Tiền điện chiếu sáng đô thị	5.850.000
2.2	Sửa chữa thường xuyên điện chiếu sáng	1.200.000
2.3	Vận hành hệ thống điện chiếu sáng và tín hiệu giao thông	1.200.000
2.4	Bảo vệ nghĩa trang nhân dân	121.086
2.5	Chi phí công viên, phục vụ tết	50.000
II	Sự nghiệp Môi trường	420.000
1	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường	420.000
-	Tổ chức công tác kiểm tra công tác quản lý môi trường; phong trào tự quản bảo vệ môi trường	60.000
-	Các hoạt động tuyên truyền bảo vệ môi trường	150.000
-	Giám sát môi trường: Lấy mẫu phân tích chất lượng môi trường	10.000
-	Xây dựng báo cáo công tác bảo vệ môi trường; xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố môi trường, sự cố chất thải; điều tra thống kê cơ sở sản xuất gây ô nhiễm	200.000
III	Sự nghiệp kinh tế	12.952.724
1	Công nghiệp-Thương mại-Du lịch	150.000
-	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị: Xúc tiến thương mại du lịch, chi phí nghiệp vụ chuyên môn, an toàn thực phẩm ngành công thương	100.000
-	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị: Thăm ngày doanh nhân Việt Nam 13/10	50.000



STT	Đơn vị	Dự toán năm 2026
2	Nông nghiệp: Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường	215.415
-	Trồng trọt, chăn nuôi, KT tập thể, thủy sản, lâm nghiệp, thủy lợi, chỉ đạo kỹ thuật tổng kết mô hình vụ, năm...	215.415
3	Lâm nghiệp: Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	197.000
-	Chi phí xây dựng phương án PCCC rừng; chi phí nghiệp vụ chuyên môn, bảo vệ rừng	197.000
4	Kinh tế tập thể: Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	25.000
-	Tổ chức thăm hỏi động viên HTX nhân kỷ niệm ngày HTX	25.000
5	Sự nghiệp địa chính: Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	1.185.000
-	Lập kế hoạch sử dụng đất giai đoạn 2026-2030	500.000
-	Thống kê đất đai hàng năm	50.000
-	Kiểm tra, giải quyết đơn thư	185.000
-	Cung cấp chứng cứ tòa án, xử lý vi phạm về đất đai, hòa giải tranh chấp đất đai	150.000
-	Xây dựng cơ sở dữ liệu lĩnh vực quản lý đất đai	200.000
-	Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và giao đất bổ sung	100.000
6	Sự nghiệp giao thông: Trung tâm Dịch vụ công ích	3.500.000
-	Sửa chữa, nâng cấp các tuyến đường trên địa bàn	3.500.000
7	Sự nghiệp kinh tế khác	7.680.309
7.1	Trung tâm Dịch vụ công ích phường	2.260.140
-	Chi phí quản lý giám sát cung ứng sản phẩm dịch vụ công ích	1.101.140
-	Trả nợ khối lượng hoàn thành trang trí hoa tết Ất Ty	259.000
-	Trang trí hoa tết xuân Bính Ngọ năm 2026	900.000
7.2	Trung tâm dịch vụ tổng hợp phường	2.184.169
-	Tiền lương phụ cấp 14 biên chế	1.836.000
-	Định mức chi thường xuyên (20tr/biên chế/năm đã trừ tiết kiệm 10%)	252.000
-	Vận hành điện chiếu sáng cụm CN Phường 4, quan trắc định kỳ Cụm CN 9D	96.169
7.3	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	1.500.000
-	Lập quy chế quản lý kiến trúc phường	50.000
-	Lập chương trình phát triển đô thị phường	50.000

STT	Đơn vị	Dự toán năm 2026
-	Sơn vạch kẻ đường, gờ giảm tốc	800.000
-	Gắn biển cây xanh đường phố	300.000
-	Khảo sát lắp đặt biển tên kiệt và số nhà	300.000
7.4	Phòng chống dịch bệnh	270.000
-	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	270.000
7.5	Ban Quản lý chợ Đông Hà	300.000
	Hệ thống phòng cháy, chữa cháy chợ Phường 3, Phường 4 (cũ)	300.000
7.6	Phòng chống lụt bão	210.000
-	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	200.000
-	Phòng Văn hóa-Xã hội phường (Hợp đồng nguyên tắc thuốc)	10.000
7.7	Công tác giảm nghèo bền vững	100.000
-	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường	100.000
7.8	Cấp bù thủy lợi phí	856.000

9

PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH NĂM 2026

(Kèm theo Báo cáo số 2848/BC-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2025 của UBND phường Đồng Hà)

Đơn vị: 1000 đồng

TT	Đơn vị	Biên chế có mặt	Dự toán năm 2026	Trong đó		
				Chi con người	Chi định mức	Chi đặc thù
A	B	1	2=3+4+5	3	4	5
	Tổng số	120	34.144.000	26.484.000	2.160.000	5.500.000
I	Khối quản lý nhà nước	74	16.609.366	12.377.366	1.332.000	2.900.000
1	Văn phòng HDND&UBND Phường	26	8.470.728	5.648.728	522.000	2.300.000
-	Chi con người và định mức	26	4.833.403	4.365.403	468.000	
-	Chi con người và định mức của 03 biên chế quản sự	3	461.229	407.229	54.000	
-	Phụ cấp đại biểu HDND	104	876.096	876.096		
-	Hoạt động của HDND		800.000			800.000
-	Hoạt động của UBND		1.500.000			1.500.000
2	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị Phường	22	3.735.302	3.139.302	396.000	200.000
3	Phòng Văn hóa-Xã hội phường	16	3.082.177	2.594.177	288.000	200.000
4	Trung tâm phục vụ hành chính công phường	7	1.321.159	995.159	126.000	200.000
II	Khối mặt trận, DT, Hội	20	4.306.456	3.236.456	360.000	710.000
-	Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam phường	20	4.306.456	3.236.456	360.000	710.000
-	Chi con người và định mức		3.596.456	3.236.456	360.000	
-	Chi hoạt động của Mặt trận		200.000			200.000

91

TT	Đơn vị	Biên chế có mặt	Dự toán năm 2026	Trong đó		
				Chi con người	Chi định mức	Chi đặc thù
A	B	1	2=3+4+5	3	4	5
-	Chi hoạt động của Đoàn Thanh niên (có Hội LHTN: 30tr)		150.000			150.000
-	Chi hoạt động của Hội Liên hiệp phụ nữ		120.000			120.000
-	Chi hoạt động của Hội nông dân		120.000			120.000
-	Chi hoạt động của Hội cựu chiến binh		120.000			120.000
III	Khối Đảng (Văn phòng Đảng ủy Phường)	26	7.380.681	5.412.681	468.000	1.500.000
-	Chi con người và định mức		5.619.537	5.151.537	468.000	
-	Phụ cấp BCH đảng bộ phường	31	261.144	261.144		
-	Chi hoạt động		1.500.000			1.500.000
IV	Các chế độ chính sách		5.547.497	5.457.497	0	90.000
-	Cán bộ bán chuyên trách cấp xã (5 tháng)	17	298.350	298.350		
-	Quy hoạch cán bộ bán chuyên trách khu phố	30	4.212.000	4.212.000		
-	Lương hợp đồng, tạp vụ, lái xe		947.147	947.147		
-	Hỗ trợ hoạt động của khu phố (3tr đ/khu phố)	30	90.000			90.000
V	Kinh phí thi đua khen thưởng		300.000			300.000
-	Phòng Văn hóa-Xã hội phường		300.000			300.000

91

PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI SỰ NGHIỆP VĂN XÃ PHƯỜNG ĐÔNG HÀ NĂM 2026

(Kèm theo Báo cáo số ~~2247~~/BC-UBND ngày ~~18~~ tháng ~~12~~ năm 2025 của Ủy ban nhân dân phường Đông Hà)

Đơn vị: Ngàn đồng

TT	Đơn vị	Dự toán năm 2026	Trong đó					
			Chi cho con người	Chi cho công việc				Chi khác
				Tổng số	Định mức theo giáo viên	Chi hoạt động không thường xuyên	Điểm trường lẻ	
	A	2=3+7	3=4+5+6	7=8+9	8			9
	Tổng số	172.641.000	124.648.585	47.992.415	9.305.100	4.455.500	405.000	33.826.815
I	Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo	148.786.000	124.648.585	24.137.415	9.305.100	4.455.500	405.000	9.971.815
I	Chi sự nghiệp giáo dục	147.980.267	124.400.852	23.579.415	9.287.100	4.455.500	405.000	9.431.815
I.1	Các trường học trực thuộc	136.992.952	124.400.852	12.592.100	9.287.100	2.900.000	405.000	0
-	Trường Mầm non Hoa Sen	4.203.728	3.660.028	543.700	443.700	100.000		
-	Trường Mầm non Tuổi Thơ	4.054.650	3.641.000	413.650	313.650	100.000		
-	Trường Mầm non Hướng Dương	5.646.837	5.118.437	528.400	428.400	100.000		
-	Trường Mầm non Tuổi Hoa	5.421.508	4.954.308	467.200	367.200	100.000		
-	Trường Mầm non Ánh Dương	3.795.119	3.336.469	458.650	313.650	100.000	45.000	
-	Trường Mầm non Đông Giang	3.619.883	3.168.883	451.000	306.000	100.000	45.000	
-	Trường Mầm non Đông Thanh	4.149.662	3.713.962	435.700	290.700	100.000	45.000	
-	Trường Tiểu học Hùng Vương	14.342.390	13.350.890	991.500	841.500	150.000	0	
-	Trường Tiểu học Nguyễn Tất Thành	10.842.985	10.096.285	746.700	596.700	150.000	0	
-	Trường Tiểu học Nguyễn Bá Ngọc	9.553.344	8.807.544	745.800	550.800	150.000	45.000	
-	Trường Tiểu học Sông Hiếu	6.764.453	6.186.053	578.400	428.400	150.000	0	
-	Trường Tiểu học Đông Giang	5.217.888	4.670.988	546.900	351.900	150.000	45.000	
-	Trường Tiểu học Đông Thanh	5.488.345	4.910.845	577.500	382.500	150.000	45.000	

Trong đó								
Chi cho công việc								
			Chi cho con người	Tổng số	Định mức theo giáo viên	Chi hoạt động không thường xuyên	Điểm trường lẻ	Chi khác
TT	Đơn vị	Dự toán năm 2026	3=4+5+6	7=8+9	8			9
-	Trường THCS Nguyễn Trãi	12.425.797	11.368.997	1.056.800	856.800	200.000	0	
-	Trường THCS Trần Hưng Đạo	14.057.545	12.908.945	1.148.600	948.600	200.000	0	
-	Trường THCS Hiếu Giang	7.938.259	7.157.759	780.500	535.500	200.000	45.000	
-	Trường TH và THCS Chu Văn An	11.391.741	10.292.941	1.098.800	703.800	350.000	45.000	
-	Trường TH và THCS Hai Ba Trưng	8.078.818	7.056.518	1.022.300	627.300	350.000	45.000	
1.2	Chi hoạt động giáo dục theo định mức, các hoạt động ngành	1.555.500	0	1.555.500	0	1.555.500		
-	Phòng Văn hóa- Xã hội phường: Kinh phí hoạt động 3 cấp học (bao gồm Hội thi Văn hóa học đường cấp phường và tham gia với tỉnh, thăm ngày nhà giáo Việt Nam 20-11 ...)	800.000		800.000		800.000		
-	Kinh phí hoạt động khác	755.500		755.500		755.500		
1.3	Chi thực hiện các chế độ chính sách chưa được bố trí trong dự toán sử dụng định mức cân đối (Giáo viên dạy khuyết tật...)	2.117.815		2.117.815				2.117.815
1.4	Hỗ trợ chi phí học tập và miễn giảm học phí theo Nghị định 238	7.170.000		7.170.000				7.170.000
1.5	Chính sách phát triển giáo dục mầm non	76.000		76.000				76.000
1.6	Học bổng, chi phí cho học sinh khuyết tật	68.000		68.000				68.000
2	Chi sự nghiệp đào tạo	805.733	247.733	558.000	18.000	0	0	540.000
2.1	Trung tâm Chính trị phường Đông Hà	265.733	247.733	18.000	18.000			
2.2	Đào tạo, tập huấn...	540.000		540.000				540.000

	Đơn vị	Dự toán năm 2026	Trong đó					
			Chi cho con người	Chi cho công việc				Chi khác
				Tổng số	Định mức theo giáo viên	Chi hoạt động không thường xuyên	Điểm trường lệ	
TT	A	2=3+7	3=4+5+6	7=8+9	8			9
II	Chi bảo đảm xã hội	11.027.000	0	11.027.000	0	0	0	11.027.000
1	Phòng Văn hóa và Xã hội phường							
1.1	Kinh phí thường xuyên cho đối tượng bảo trợ xã hội theo Nghị định 20	9.824.000		9.824.000				9.824.000
1.2	Chi đảm bảo xã hội phân bổ theo tiêu chí	525.000		525.000				525.000
1.3	Chi lưu xã	562.000		562.000				562.000
1.4	Hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo	116.000		116.000				116.000
III	Chi sự nghiệp Y tế	10.727.000	0	10.727.000	0	0	0	10.727.000
1	Phòng Văn hóa-Xã hội phường							
-	Kinh phí mua thẻ Bảo hiểm Y tế	10.321.000		10.321.000				10.321.000
-	Chi định mức cần đối theo tiêu chí	406.000		406.000				406.000
IV	Sự nghiệp Văn hóa thông tin	832.000	0	832.000	0	0	0	832.000
1	Trung tâm dịch vụ tổng hợp phường	832.000		832.000				832.000
V	Sự nghiệp Thể dục thể thao	558.000	0	558.000	0	0	0	558.000
-	Trung tâm dịch vụ tổng hợp phường	558.000		558.000				558.000
VI	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình	711.000	0	711.000	0	0	0	711.000
-	Trung tâm dịch vụ tổng hợp phường	711.000		711.000				711.000

9

DỰ TOÁN
 CHI QUỐC PHÒNG - AN NINH PHƯỜNG NĂM 2026

(Kèm theo Báo cáo số 3248/BC-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân phường Đông Hà)

Đơn vị: Ngàn đồng

Đơn vị	Dự toán 2026
Tổng số	1.448.000
1. Chi an ninh (Hỗ trợ các hoạt động an ninh địa phương)	724.000
2. Chi quân sự địa phương	724.000

q

DỰ TOÁN CHI KHÁC NĂM 2025

(Kèm theo Báo cáo số 3248/BC-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2025
của UBND phường Đông Hà)

Đơn vị: Ngàn đồng

TT	Đơn vị	Dự toán năm 2026
	Tổng số	928.000
1	Kinh phí bầu cử Quốc hội và HĐND các cấp, nhiệm kỳ 2026-2030; kinh phí kỷ niệm các ngày lễ lớn, kinh phí tổ chức các sự kiện lớn trong năm và các nhiệm vụ khác	688.000
2	Văn phòng HĐND và UBND phường: Kinh phí tổng kết nhiệm kỳ HĐND và Kỷ niệm 80 năm bầu cử Quốc hội và HĐND các cấp	140.000
3	Hỗ trợ công tác thu ngân sách	100.000

9

DỰ TOÁN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU NĂM 2026

Kèm theo Báo cáo số 2248/BC-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2025
của Ủy ban nhân dân phường Đông Hà

Đơn vị: 1000 đ

STT	Nội dung	Dự toán năm 2026
	Tổng cộng	69.082.000
1	Hỗ trợ chi phí học tập và miễn giảm học phí NĐ 238	2.232.000
2	Chính sách phát triển giáo dục mầm non	43.000
3	Học bổng, chi phí học tập cho HS khuyết tật	39.000
4	Phân bổ theo kinh phí mua thẻ BHYT	5.888.000
5	Kinh phí thường xuyên cho đối tượng bảo trợ xã hội theo NĐ 20	3.820.000
6	Trợ cấp hưu theo NĐ176	11.880.000
7	Bảo hiểm xã hội tự nguyện	1.374.000
8	Chính sách ưu đãi người có công	34.650.000
9	Kinh phí hỗ trợ y tế thôn bản	309.000
10	Kinh phí hỗ trợ người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, bản, tổ dân phố	1.685.000
11	Chi thăm hỏi người có công, thân nhân người có công theo Nghị quyết số 30/2022/NQ-HĐND	767.000
12	Kinh phí thực hiện Luật DQTV (phụ cấp + trợ cấp + ngày công huấn luyện)	2.124.000
13	Tính hỗ trợ lực lượng dân an ninh trật tự cơ sở	2.292.000
14	Kinh phí thực hiện hợp đồng nấu ăn theo Nghị quyết 35	210.000
15	Kinh phí khen thưởng huy hiệu đảng	1.274.000
16	Chi thăm hỏi người người nghèo, cận nghèo theo Nghị quyết số 30/2022/NQ-HĐND	347.000
17	Kinh phí chúc thọ, mừng thọ	148.000

a/